TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VINH** Bản án số: 20/2018/LHST Ngày: 14/5/2018 V/v tranh chấp ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Thẩm
2. Bà Phạm Thị Tố Tâm
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 853/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn S – sinh năm 1984 (có mặt)
Trú tại: xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.
2. Bị đơn: Chị Trần Thị H – sinh năm 1983 (vắng mặt)
Trú tại: khối 10, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn ngày 17/11/2017 và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay của anh Lê Văn S thì: anh Lê Văn S và chị Trần Thị H kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 15/4/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu thông cảm lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay anh S thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Lê Thị T - sinh ngày 01/4/2013. Nay ly hôn anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có bản tự khai. Qua xác minh chính quyền địa phương được biết chị H có hộ khẩu thường trú tại khối 10, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, Nghệ An. Năm 2012 chị H kết hôn với anh S sau đó thấy chị H về nhà sống với bố mẹ đẻ là ông H, bà V tại khối 10, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, Nghệ An. Chị H có 1 con là cháu Lê Thị T. Từ trước đến nay cháu Tđang ở với chị H.

Tại phiên tòa đại diện VKS nhân dân thành phố Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến nay như sau: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho VKS nhân dân thành phố Vinh đầy đủ, đúng quy định pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của họ.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu hồ sơ vụ án và thẩm vấn công khai tại phiên tòa xác định đây là vụ án ly hôn: Về tình cảm anh S và chị H kết hôn năm 2012, hôn nhân tự nguyện tìm hiểu, hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kéo dài thời gian để hòa giải nhưng chị H không có mặt nên không hòa giải được. Vì vậy, chứng tỏ tình trạng sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần xử cho anh S được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Lê Thị T - sinh ngày 01/4/2013. Nay ly hôn anh S xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H không có ý kiến gì nhưng chị H là người trực tiếp nuôi cháu Ttừ nhỏ đến nay. Tại phiên tòa anh S cũng thống nhất giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét việc anh S thỏa thuận tự nguyện nên cần giao cháu Lê Thị T - sinh ngày 01/4/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp.

Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị H đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp và phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 1 điều 207 và khoản 3 điều 228 BLTTDS để giải quyết vụ án.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Lê Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ tình cảm: anh S và chị H kết hôn năm 2012, hôn nhân tự nguyện tìm hiểu, hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thiếu thông cảm lẫn nhau, nên xảy ra cãi cọ nhau. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Tòa án đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần xử cho anh S được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Lê Thị T - sinh ngày 01/4/2013. Nay ly hôn anh S xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H không có ý kiến gì về tình cảm, con chung. Tuy nhiên, chị H là người trực tiếp nuôi cháu Ttừ nhỏ đến nay. Tại phiên tòa anh S cũng thống nhất giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng là cần xem xét sự chăm sóc, phát triển của cháu. Hiện cháu Tcòn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Hơn nữa tại phiên tòa hôm nay anh S thỏa thuận giao cháu Lê Thị T - sinh ngày 01/4/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét thỏa thuận của anh S là phù hợp nên cần chấp nhận.

Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điều 147; điều 271; khoản 1 điều 273 BLTTDS; điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí xử:

- Về quan hệ tình cảm: Xử cho anh Lê Văn S được ly hôn với chị Trần Thị H.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị T - sinh ngày 01/4/2013 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Anh S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 6/2018 đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Anh Lê Văn S được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về án phí: Anh Lê Văn S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí LHST và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con (nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại chi cục thi hành án thành phố Vinh theo BL số 0000257 ngày 20/11/2017).

Kể từ ngày chị Trần Thị H làm đơn yêu cầu khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu anh Lê Văn S không thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh S có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận

-VKSND TP Vinh
- Các đương sự
- Lưu HS
- UBND phường Đông Vĩnh

Lê Thị Hải Yến